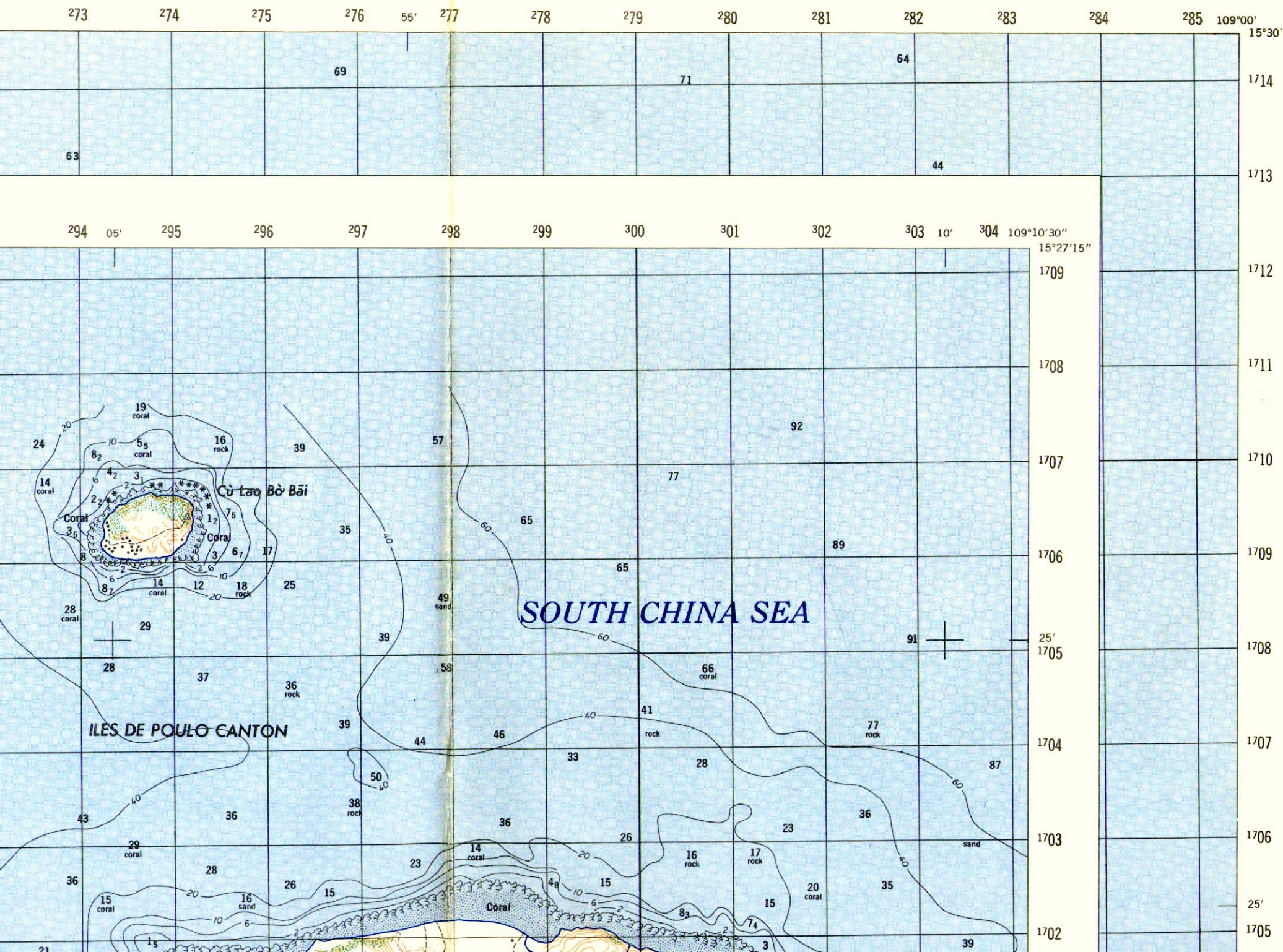
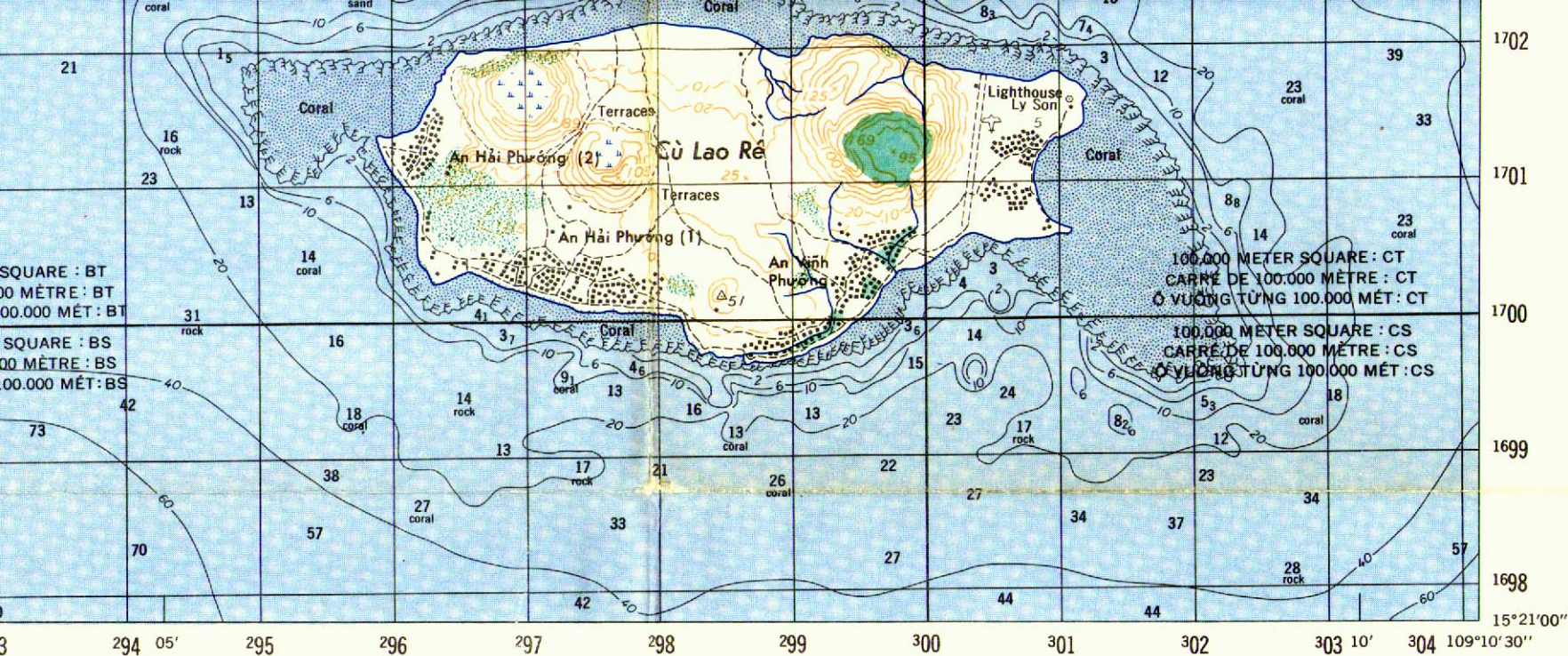


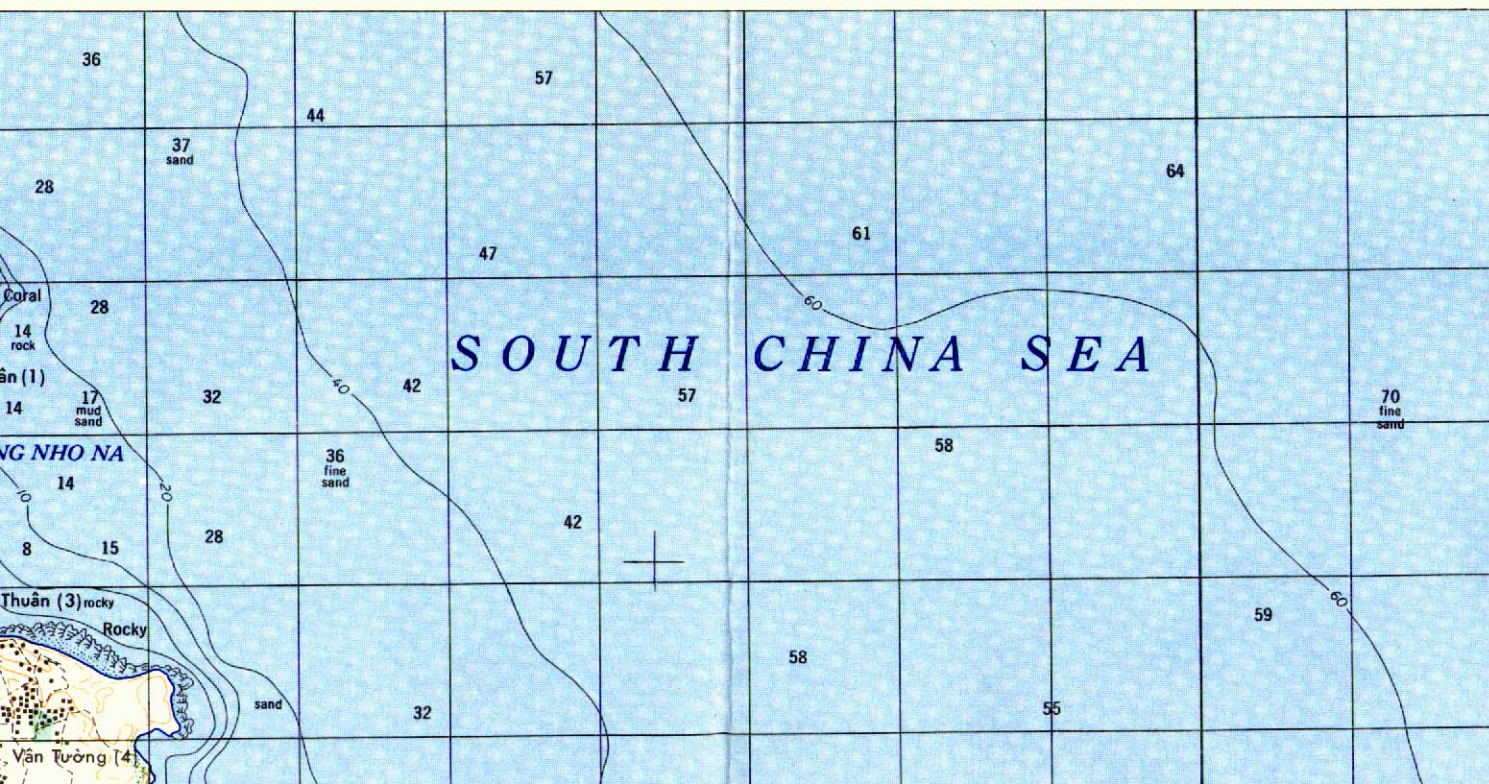








GRID CONVERGENCE .0°30' (10 MILS) WESTERLY FOR CENTER OF SHEET
 CONVERGENCE DU QUADRILLAGE 0°30' (10 MILS) VERS L'OUEST POUR LE CENTRE DE LA FEUILLE
 VỀ PHƯƠNG ĐÔNG TÍNH Ở TRUNG-TÂM BẢN-ĐỒ HỢI-TỰ ĐƯỜNG KỀ Ở VUÔNG .0°30' (10 MILS)



Depth curves; Soundings in meters
 Courbes isobathes; Sondage en mètres
 Vòng độ sâu; Độ sâu tính ra mét

Sunken rocks
 Roches submergées
 Mỏm đá ngầm

Foreshore flat; Lighthouse
 Haut-fond; Phare
 Đáy biển nông; Hải đăng

Rocks awash; Reef
 Roches à fleur d'eau; Récif
 Mỏm đá sát mặt nước; Bãi đá

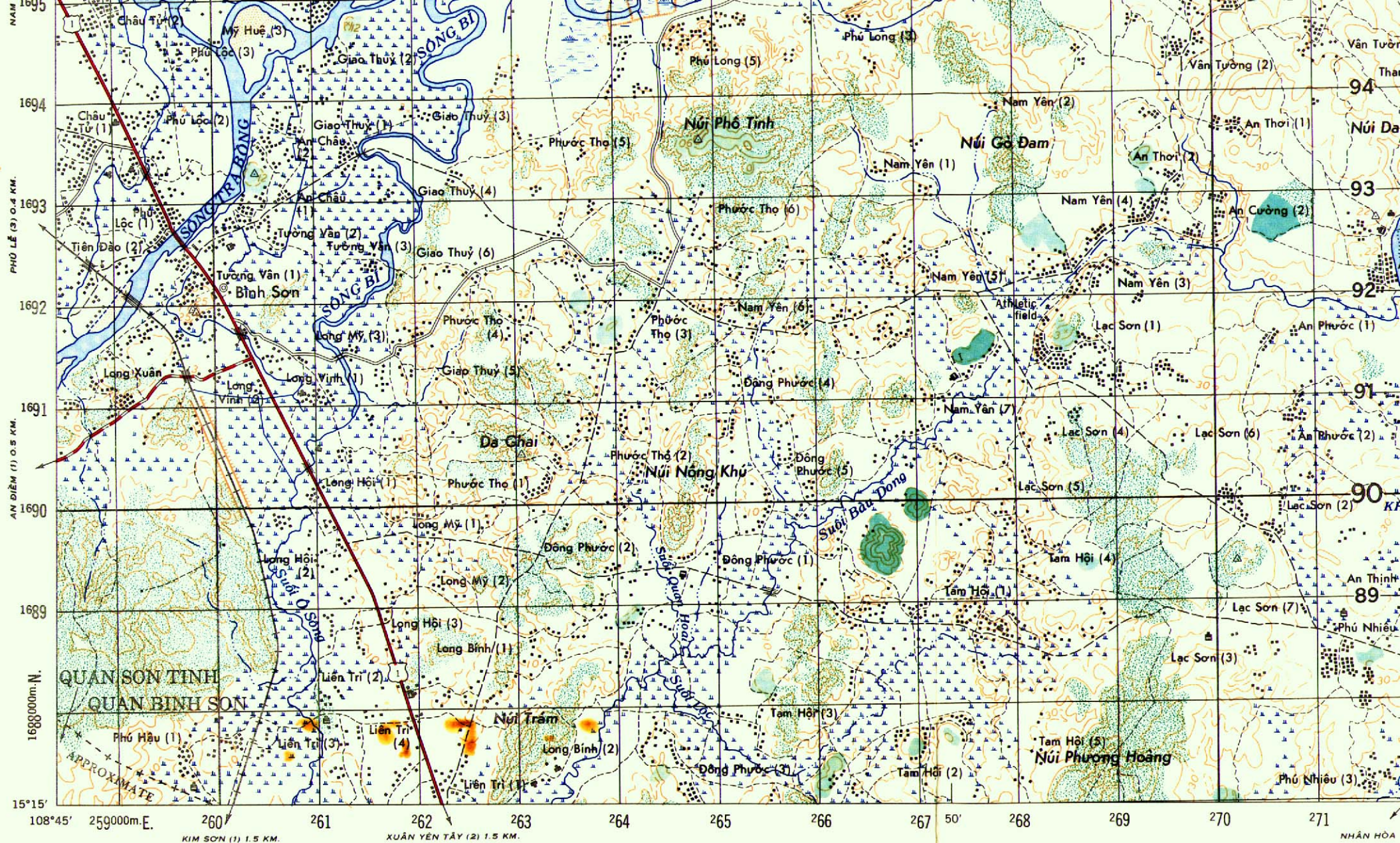
Limit of danger; Submerged reef
 Limite de danger; Récif submergé
 Giới hạn nguy hiểm; Bãi đá ngầm

Wreck; Sunken; Exposed
 Épave; Submergée; Découverte
 Xác tàu; Chìm; Nổi

Sea wall or revetment
 Digue ou revêtement
 Đê chắn nước; biển hay bờ đá

Wharf or pier
 Embarcadere ou jetée
 Cầu tàu hay dề biển

HYDROGRAPHIC DATUM
 APPROXIMATE LEVEL OF LOWEST LOW WATER
 LE PLAN HYDROGRAPHIQUE DE COMPARAISON
 EST LE NIVEAU APPROXIMATIF DES PLUS BASSES MERS
 MẶT THỦY-ĐẠO CHUẨN
 LÀ MẶT ĐƯỜNG ĐỒNG CHỈNH LÚC THẤP NHẤT



LEGEND—LÉGENDE—CHÚ THÍCH
 MAP INFORMATION AS OF 1965
 RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1965
 BẢN ĐỒ TIN TỨC NĂM 1965

On this map a LANE is considered as being a minimum of 2.4 m. (8 feet) in width
 Sur cette carte une VOIE correspond à une largeur minimum de 2,4 mètres (8 pieds)
 Trên bản đồ này một LỐI XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét

Dense forest or jungle indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally impassable on foot. Clear forest indicates more than 25 percent of ground is concealed by canopy with undergrowth generally passable on foot. Vegetation classified by office identification from aerial photography.
 Forêt dense ou jungle indique une végétation dont le dôme couvre le sol à plus de 25% avec un sous-bois impénétrable. Forêt claire indique une végétation dont le dôme couvre le sol à plus de 25% avec un sous-bois accessible à pied. Végétation classée par interprétation des photographies aériennes au bureau.
 Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng có thể qua lại được. Thảo mộc phân loại theo không ảnh.

ROADS—ROUTES—ĐƯỜNG—SÁ

All weather, hard surface, two or more lanes wide
 À toute saison, revêtement dur, deux voies ou plus
 Đường trải nhựa, có hai hay trên hai làn xe đi

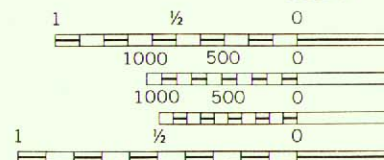
3 LANES
 3 VOIES
 3 LỐI XE ĐI

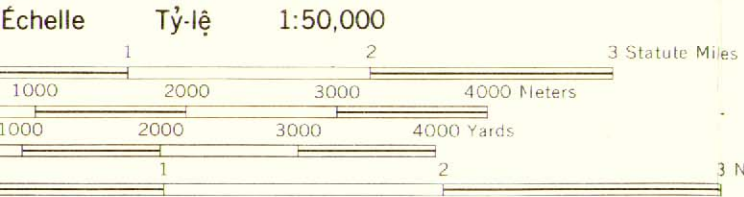
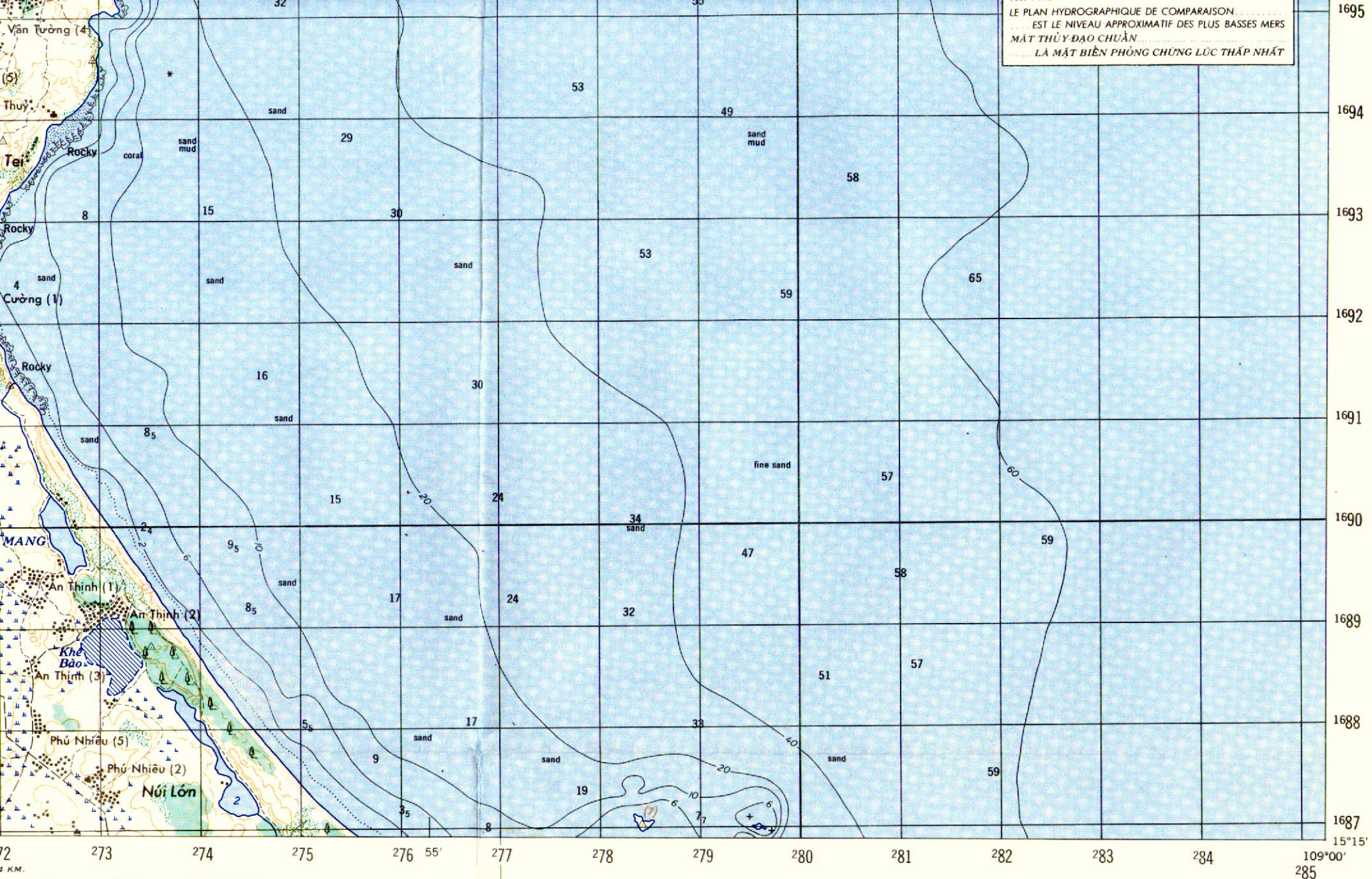
Built-up area—Agglomération—Thôn thị
 Village—Village—Làng

Salt evaporator
 Marais salant
 Ruộng muối

SPHEROID
 GRID
 1,000 METER UTM: ZONE 49 (BLACK NUMBERED LINES)
 EVEREST
 QUADRILLAS
 PROJECTOR
 TRANSVERSE MERCATOR

CONTOUR INTERVAL—20 METERS
 SUPPLEMENTARY CONTOURS—10 METERS





Distance des courbes: 20 mètres
 LES COURBES INTERCALAIRES: 10 mètres
 KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 20 MÉT
 CÁC VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ TÙNG: 10 MÉT

ELEVATION GUIDE
 GUIDE D'ELEVATION
 CHỈ ĐẪN CAO-ĐỘ

BOUNDARIES
 FRONTIÈRES
 NHỮNG ĐỊA-GIỚI

ADJOINING SHEETS
 FEUILLES ADJACENTES
 BẢNG RÁP ĐỊA-ĐỒ

